

THỰC TRẠNG VÀ RÀO CẢN TRONG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỦA NGƯỜI H'MÔNG DI CƯ ĐẾN ĐẮK LẮK

LÊ THỊ HỒNG GÁI*
NGUYỄN ĐỨC CHIẾN**

Tóm tắt: Dựa vào kết quả nghiên cứu định tính tại một xã thuộc tỉnh Đắk Lắk - nơi có người H'mông di cư đến sinh sống. Bài viết nhận diện thực trạng tiếp cận giáo dục phổ thông và chỉ ra một số rào cản trong việc tiếp cận giáo dục của người H'mông di cư tự do đến Đắk Lắk; đồng thời, phân tích những nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến bất cập, hạn chế trong tiếp cận giáo dục của người H'mông; đưa ra một số bàn luận hướng đến cải thiện cơ hội tiếp cận giáo dục phổ thông cho học sinh là con em của đồng bào dân tộc di cư tự do, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển bền vững các cộng đồng ở Đắk Lắk.

Từ khóa: Giáo dục phổ thông; Người H'mông; di cư; thực trạng.

Abstract: Based on qualitative research in a commune in Daklak province where many H'mong migrants lived, this article pointed out how H'mong migrants gained access to formal education and identified obstacles hindering their access to education. Subjective and objective causes of this situation were analyzed in order to enhance their access to formal education, towards resources improvement and sustainable development of ethnic communities in Daklak.

Keywords: Formal education; ethnic H'mong; migrant; situation.

Ngày nhận bài: 09/7/2018; Ngày sửa bài: 10/8/2018; Ngày duyệt đăng bài: 12/11/2018.

1. Đặt vấn đề

Trong nền kinh tế tri thức hiện nay, tri thức là sản phẩm của giáo dục và đào tạo, đồng thời là tài sản quý giá nhất của con người và xã hội. Nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia, dân tộc từ tài nguyên, sức lao động chân tay là chính chuyển sang nguồn lực con người có tri thức là cơ bản nhất. Sinh thời, Bác Hồ đã từng nói: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu" bởi không có tri thức, không hiểu biết về xã hội và chính bản thân mình, con người sẽ luôn lệ thuộc, bất lực trước những thế lực và sức mạnh cản trở sự phát triển của dân tộc, đất nước mình.

Nhận thức triệt để quan điểm trên, Đảng và Nhà nước ta xem "đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển" và đã ban hành nhiều chính sách nhằm đầu tư cho phát triển giáo dục; trong đó, đầu tư cho giáo dục phổ thông với đối tượng vùng dân tộc thiểu số được quan tâm đặc biệt. Tuy nhiên, giáo dục phổ thông cho đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại nhiều bất cập như dân tộc H'mông từ các tỉnh miền núi phía Bắc đến các tỉnh Tây Nguyên.

*ThS. Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên.

** PGS. TS. Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Người Hmông di cư đến Đắc Lắc từ thập kỷ 90 đến nay, họ thường chọn cư trú ở vùng sâu, xa trung tâm hành chính, cơ sở vật chất còn khó khăn, thiếu thốn. Vì vậy, cuộc sống của họ vẫn còn tồn tại nhiều bất cập; trong đó, vấn đề giáo dục là một trong những điều đáng quan ngại với họ. Dựa vào phân tích các tài liệu thứ cấp kết hợp với kết quả nghiên cứu định tính (nghiên cứu trường hợp, bao gồm, học sinh và phụ huynh là người Hmông, giáo viên tại các điểm trường ở địa bàn người Hmông cư trú) tại huyện Krông Bông¹.

2. Khái quát về người Hmông ở Đắc Lắc

Người Hmông di cư tự do đến Đắc Lắc bắt đầu từ những năm 90 của thế kỷ XX từ các tỉnh khác nhau ở miền núi phía Bắc như Cao Bằng, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Lạng Sơn,... Theo số liệu thống kê năm 2013, Đắc Lắc có 5.161 hộ với 29.598 khẩu sinh sống trên địa bàn 46 thôn, buôn thuộc 19 xã của 8 huyện: Krông Bông, Ea Sup, M'Drăk, Lăk, Cư M'gar, Ea Kar, Krông Păk, Krông Năng, trong đó tập trung đông nhất ở Krông Bông, người Hmông ở đây chiếm gần 50% tổng số dân người Hmông toàn tỉnh². Họ thường lựa chọn nơi cư trú là vùng sâu, vùng xa (Ea Sol ở Ea H'leo; Ea Dah ở Krông Năng,...), vùng đệm vùng Quốc gia (Cư Pui, Cư Drăm ở Krông Bông; Nam Kar ở Lăk,...) hay vùng biên giới (Cư Khang, Ea Lê ở Ea Súp) nên cơ sở hạ tầng rất khó khăn, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản rất hạn chế.

Nguồn sinh kế chính của người Hmông là nông nghiệp; trong đó, trồng trọt là chủ đạo, người Hmông chủ yếu trồng các loại hoa màu như ngô, sắn, đậu,... và lúa nước. Trong những năm gần đây, một số hộ gia đình đã và đang có xu hướng chuyển đổi sang trồng các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cà phê, tiêu,... Chăn

nuôi đã được chú trọng nhằm mục đích kinh tế nhưng quy mô nhỏ, chưa được đầu tư đúng mức. Khai thác các nguồn lợi tự nhiên cũng góp một phần nhỏ đối với kinh tế của họ; mặc dù vậy, nguồn thu này ngày càng giảm do diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp. Tỷ lệ hộ nghèo của người Hmông còn khá cao và tăng lên gấp đôi theo chuẩn mới. Người Hmông hầu hết theo đạo Tin Lành với nhiều hệ phái khác nhau chứ không thuần nhất.

Do ảnh hưởng của tập quán du canh du cư, phá rừng làm nương rẫy nên khi di cư tự do đến Đắc Lắc người Hmông thường cư trú ở các vùng đã quy hoạch hoặc ở khu vực rừng cấm như Ea Rót (Cư Pui, Krông Bông), tiểu khu 540, 544 (Ea Kiết, Cư M'gar), Ea Dăh (Krông Năng),... gây khó khăn cho công tác quản lý, đời sống của họ cũng bấp bênh, không ổn định. Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2013, toàn tỉnh có 1.525 hộ người Hmông chưa nhập khẩu; 2.858 hộ nghèo đói, 1.362 hộ thiếu đất sản xuất; 1.230 hộ cần định canh, định cư; 1.859 hộ sống trong vùng chưa có dự án đầu tư, cơ sở hạ tầng nghèo nàn, khó khăn. Nhiều vùng, cả thôn, làng sống *không danh phận* tức là không có sổ hộ khẩu như: làng Hmông ở xã Ea Kiết (huyện Cư M'gar); buôn Đắc Sar, buôn Liêng Keh ở huyện Lăk; 5 thôn ở xã Cư

¹ Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp cơ sở năm 2015, Thực trạng xã hội của người Hmông ở xã Cư Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắc Lắc và Đề tài cấp cơ sở năm 2016, Vốn xã hội trong sản xuất nông nghiệp của người Hmông ở xã Cư Drăm, huyện Krông Bông, tỉnh Đắc Lắc, do Lê Thị Hồng Gái làm chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên.

² UBND tỉnh Đắc Lắc, Ban Dân tộc, Biểu tổng hợp dân tộc Mông đang sinh sống trên địa bàn tỉnh năm 2013.

Đrăm và thôn Ea Rót ở xã Cư Pui (huyện Krông Bông),...³ do cư trú bất hợp pháp trên đất lâm nghiệp, vùng quy hoạch. Bên cạnh đó, sự chuyển cư từ huyện này sang huyện khác khá phổ biến cũng tạo nên sự bất ổn định về đời sống xã hội và hạn chế trong việc tiếp cận các dịch vụ cơ bản trong đó, giáo dục là một trong những bất cập đó.

3. Hệ thống trường học và tình trạng học tập của học sinh Hmông

Người Hmông có đặc điểm địa lý khá đặc thù so với các dân tộc khác nhưng giữa các huyện trên địa bàn tỉnh lại khá tương đồng nhau. Sự giống nhau đó thuộc về việc lựa chọn địa bàn cư trú khi di cư đến, đó là vùng sâu và xa trung tâm nhất, vùng biên giới, vùng đệm của các vườn Quốc gia,... Do xa trung tâm nên ở các thôn làng Hmông đều có các điểm trường Mầm non và Tiểu học. Trường THCS thường ở trung tâm xã. Trường THPT có thể đóng trên địa bàn xã hoặc xa hơn, rất ít các trường THPT đặt tại các điểm người Hmông cư trú.

Kết quả nghiên cứu tại huyện Krông Bông cho thấy, do người Hmông cư trú xa trung tâm các xã nên đều được đầu tư xây dựng các điểm trường tại thôn. Ở Cư Pui, tại 6 thôn Hmông cư trú có 6 điểm trường Tiểu học tại 6 thôn với 39 phòng học; trong đó, có 12 phòng học kiên cố; 19 phòng bán kiên cố và 8 phòng học tạm bợ. Xã Cư Drăm với 5 thôn Hmông cư trú cũng có 5 điểm trường Tiểu học với hệ thống phòng học đáp ứng đủ nhu cầu học tập của con em. Trường THCS thường đặt ở trung tâm xã, thường thì cách nơi người Hmông cư trú là 5km và xa nhất là 22km. Trường THPT Trần Hưng Đạo đóng tại xã Cư Drăm, cách trung tâm xã khoảng 5km, cách người Hmông gần nhất 8km và xa nhất là 30km. Năm 2014, bậc Tiểu học, theo số liệu thống kê thu được tại xã Cư Pui (Krông Bông) có 1.245 học sinh

người Hmông và qua khảo sát tại thôn Ea Lang và Ea Uôi cho thấy, số lượng trẻ em trong độ tuổi hầu hết đều được đến trường. Bậc THCS, năm học 2013 - 2014, số lượng học sinh người Hmông đi học THCS có 252 em chiếm 38% tổng số học sinh toàn trường. Đối với bậc THPT⁴, càng lên cao số lượng học sinh người Hmông đi học càng giảm dần. Kết quả khảo sát tại 2 thôn cho thấy, thôn Ea Lang có 18 em, thôn Ea Uôi có 16 em đang theo học tại trường THPT. Không có em nào học tại các Trung tâm giáo dục thường xuyên và các trường dân tộc nội trú trên địa bàn.

Nhìn chung, hệ thống cơ sở vật chất được xây dựng tại các thôn buôn hiện nay đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em Hmông, đảm bảo việc đi học đúng độ tuổi, mọi con em đều được đến trường,...

Chất lượng học sinh vùng dân tộc thiểu số nói chung và người Hmông nói riêng là một trong những vấn đề bất cập hiện nay. Ý kiến của lãnh đạo nhà trường cho biết “Trường Tiểu học Cư Pui II có 1.497 học sinh người Hmông. Cuối năm học 2013 - 2014, toàn trường có đến 245 học sinh phải rèn luyện trong hè và trong số này chỉ có 1/3 các em thi lại đủ điều kiện lên lớp. Qua kết quả chất lượng khảo sát đầu năm học 2014 - 2015 cho thấy, trường có những khối lớp chỉ khoảng trên 60% học sinh đạt điểm 5 trở lên, còn lại là điểm yếu và điểm kém” (PVS, Nữ, 47 tuổi, Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Cư Pui II). Trong năm học 2013 - 2014, tỷ lệ học sinh lên lớp ở trường Tiểu học Cư Pui II đạt 82,38%. Trường THCS Cư Pui, tỷ lệ học sinh lên lớp không phải thi lại là 80,19%⁵.

³ UBND tỉnh Đắk Lắk, Ban Dân tộc (2013), Tlđd.

⁴ Không có thống kê cụ thể từ UBND xã.

⁵ Trường Tiểu học Cư Pui II (2015), Báo cáo tổng kết công tác năm học 2013 - 2014.

Một trong những nguyên nhân quan trọng là chất lượng đầu vào của học sinh Hmông rất thấp, vốn tiếng Việt hạn chế và nhiều em bị hổng kiến thức trầm trọng. Bên cạnh đó, khó khăn về cơ sở vật chất như trên đã trình bày cũng là nguyên nhân ảnh hưởng rất nhiều đến việc nâng cao chất lượng giáo dục. Điển hình như thôn Ea Rốt, xã Cư Pui, các phòng học hầu hết đều tạm bợ, hệ thống điện lưới chưa có nên ảnh hưởng đến việc tự học cũng như tinh thần học tập của các em và phụ huynh.

Số lượng học sinh “rớt” dần qua các cấp học phản ánh tình trạng bỏ học ở người Hmông diễn ra khá phổ biến, những con số dưới đây tại xã Cư Pui, huyện Krông Bông là một ví dụ điển hình.

Hộp 1: Số lượng học sinh người Hmông bỏ học ở xã Cư Pui từ năm 2010 đến 2014⁶

Năm học 2009 - 2010: Trường Tiểu học Cư Pui II có 7 em bỏ học; Trường THCS Cư Pui có 12 em bỏ học.

Năm học 2010 - 2011: Trường Tiểu học Cư Pui II có 14 em bỏ học; Trường THCS Cư Pui có 22 em, bỏ học.

Năm học 2011 - 2012: Trường Tiểu học Cư Pui II có 9 em bỏ học; Trường THCS Cư Pui có 22 em bỏ học.

Năm học 2012 - 2013: Trường Tiểu học Cư Pui II có 18 em bỏ học; Trường THCS có 33 em bỏ học.

Năm học 2013 - 2014: Trường Tiểu học Cư Pui II có 28 em bỏ học; Trường THCS Cư Pui có 38 em bỏ học

Nguồn: UBND xã Cư Pui, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014.

Số liệu trong hộp trên cho thấy, số học sinh bỏ học tăng, giảm thất thường và có nguy cơ ngày càng cao, đặc biệt ở cấp THCS. Càng lên cấp cao thì số lượng học sinh bỏ học ngày càng nhiều hơn. Theo

quan sát của chúng tôi cũng như phản ánh của cán bộ địa phương cho thấy, số lượng học sinh học THCS khá ít, trong điều kiện gia đình khó khăn, đông con nên hầu hết các em đến tuổi bước vào cấp 2 (11 tuổi) nghỉ học để ở nhà phụ giúp bố mẹ kiếm sống như một lao động chính trong gia đình. Bậc THPT số lượng càng ít hơn, hầu hết học sinh đều nghỉ học sau khi hoàn thành chương trình THCS. Kết quả khảo sát tại Ea Uôl chỉ có 5/33 người trong độ tuổi đi học THPT; Ea Lang 8/29 em trong độ tuổi đi học THPT⁷. Đây là con số đáng báo động và là điều trăn trở nhất đối với những người làm nghề giáo và các nhà chức trách tại địa phương.

4. Rào cản và bất cập trong giáo dục của học sinh Hmông

4.1 Cơ sở vật chất trường lớp và đội ngũ giáo viên

Tuy được quan tâm, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhưng nhiều thôn làng ở vùng xa trung tâm cơ sở vật chất vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu học tập, vẫn còn tình trạng phòng học tạm bợ tranh tre, nứa lá do phụ huynh dựng lên, các phòng học bán kiên cố đã xuống cấp, nhiều vùng chưa có điện các em phải học trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn như thôn Ea Rốt ở Cư Pui, thôn Cư Dhiết ở Cư Drăm, Cư San ở M'Drăk hay Ea Lê ở Cư Khang,... học sinh không có không gian để vui chơi, không có đủ trang thiết bị để học tập, đường sá đi lại khó khăn,... những sự yếu kém ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học của trường đồng thời không tạo được hứng thú cho học sinh đến trường. Bên cạnh đó, các học sinh người Hmông đều cư trú xa trường (bậc THCS và THPT), thường là khoảng cách

⁶ Chưa có số liệu thống kê học sinh THPT.

⁷ Kết quả khảo sát tại thôn Ea Uôl, xã Cư Pui tháng 6/2015.

từ 10 - 30 km, nhà trường chưa có chỗ ăn ở cho học sinh, nhiều phụ huynh phải mượn đất dựng lều cho các em ở tạm, điều kiện học hành thiếu thốn, vất vả ảnh hưởng nhiều đến chất lượng học tập, duy trì sĩ số học sinh,...

Hộp 2: Khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất

“...Hiện tại trường vẫn chưa có phòng bộ môn, phòng chức năng, đặc biệt hơn 100 học sinh dân tộc Hmông nhà ở cách xa trường từ 7 đến hơn 20 km vẫn phải mượn đất của người dân gần trường dựng lều trọ học. Thế nhưng, bước vào năm học này (năm học 2014 - 2015) nhà trường chỉ được đầu tư 70 triệu đồng xây dựng công trình vệ sinh thay thế nhà vệ sinh xuống cấp, còn nhà nội trú cho các em thì vẫn phải chờ đợi...”

(PVS, Nam, Hiệu trưởng Trường THCS Cư Drăm)

“Trường THPT Trần Hưng Đạo có khoảng 180 học sinh phải trọ học (70 học sinh là người Hmông, còn lại thuộc các dân tộc thiểu số khác). Nhiều em nhà ở cách xa trường trên 50 km (xã Cư San, huyện M’Đrăk), hơn 30 km (xã Vụ Bản, huyện Krông Pắc). Để theo học, các em phải dựng lều để ở và phải tự lo cơm nước. Hơn lúc nào hết, nhà trường mong muốn có nhà bán trú để các em yên tâm học tập”.

(PVS, Nam, Phó Hiệu trưởng Trường THPT Trần Hưng Đạo)

Việc yếu kém, thiếu thốn về cơ sở vật chất bên cạnh những nguyên nhân thuộc về chính sách như: chưa có các chính sách đặc thù, ưu tiên cho vùng khó khăn thiếu công tác tuyên truyền, truyền thông nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục trong nhân dân nhằm nâng cao ý thức thì các yếu tố về không gian cư trú có ảnh hưởng lớn đến điều này. Việc cư

trú bất hợp pháp tại các vùng quy hoạch như vùng lòng hồ Krông Pắc Thượng (thôn Ea Rốt, xã Cư Pui), vùng đệm vườn quốc gia Cư Yang Sin (thôn Cư Dhiết, xã Cư Drăm) hay ở các tiểu khu thuộc rừng phòng hộ đầu nguồn (thôn Hmông, xã Ea Kiết),... gây khó khăn cho chính quyền địa phương trong việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong đó có giáo dục. Địa bàn mà họ cư trú không thể xây dựng kiên cố hóa trường học, trong khi đó vấn đề đặt ra là nếu đi học xa thì hầu hết con em họ đều bỏ học do không có phương tiện đi lại, vì vậy chỉ có thể dựng tạm một số phòng học tạm bợ để đáp ứng nhu cầu cơ bản nhất trong công tác dạy và học cho con em người Hmông. Chính vì vậy, việc sắp xếp các dự án định canh, định cư là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với người Hmông hiện nay.

Nhóm nguyên nhân từ nhà trường: học sinh Hmông đều học tập ở các điểm trường xa trung tâm, không cơ ngơi ăn ở, thiếu cơ sở vật chất thực hành, vui chơi, phương pháp giảng dạy thiếu hấp dẫn và tính sáng tạo, giáo viên không nói được ngôn ngữ của học sinh nên học sinh không hiểu bài,... những điều này cũng tạo nên tâm lý chán nản, lười đến trường ở các em học sinh.

Mặc dù những năm gần đây, Nhà nước đã ưu tiên bố trí nhiều nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất trường học, thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh ở các vùng dân di cư tự do nhưng số lượng học sinh bỏ học vẫn còn cao, nhất là ở các lớp cuối cấp THCS và đầu cấp THPT.

Trong số các cán bộ, giáo viên công tác tại các điểm trường mà người Hmông cư trú không có giáo viên người Hmông, chủ yếu là người Kinh và các dân tộc khác. Đội ngũ giáo viên dạy ở các thôn làng Hmông thường có chính sách luân chuyển hàng năm chứ không dạy cố định, cụ thể như:

công tác một năm ở trường chính, một năm ở các trường điểm để có thể chia sẻ khó khăn với nhau cũng như hiểu về đặc thù của trường mình. Việc thiếu giáo viên người Hmông là một trong những khó khăn lớn đối với học sinh lẫn giáo viên, nó thể hiện trong việc bất đồng ngôn ngữ giữa cô và trò ảnh hưởng đã làm đến khả năng tiếp thu bài của học sinh. Nhiều em học sinh cho biết “cháu không hiểu được cô nói, cô nói rất nhanh và rất khó nghe, khác nhiều với giọng của chúng cháu” (PVS, nữ, lớp 5, điểm trường thôn Ea Hăn, xã Cư Drăm). Mặt khác, các giáo viên thường xuyên luân chuyển hàng năm như chính sách của nhà trường gây khó khăn đối với các học trò trong việc làm quen với cô giáo mới, với phương pháp truyền giảng mới, ảnh hưởng đến chất lượng học tập. Vì vậy, nhiều điểm trường như điểm trường Ea Lang, Ea Bar (xã Cư Pui, huyện Krông Bông) đối với lớp 1, phải nhờ người Hmông phiên dịch môn Tiếng Việt khi cô giáo giảng bài để giúp các em trong việc trau dồi tiếng phổ thông cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học.

Nguyên nhân của hạn chế này là do chính sách tạo nguồn giáo viên là người Hmông không hiệu quả, kết quả thu được từ các cuộc phỏng vấn sâu với chính quyền địa phương cho thấy, do người Hmông không đáp ứng được yêu cầu cơ bản để có thể áp dụng chính sách cử tuyển, để vận động một người Hmông rất khó khăn do những rào cản về phía văn hóa, xã hội. Bên cạnh đó, công tác giáo dục Mầm non cũng đặt ra nhiều vấn đề như: trẻ em lên lớp 1 vẫn chưa nói được tiếng phổ thông, tỷ lệ trẻ em mầm non đi học đúng tuổi thấp cộng với ý thức học tập kém nên khi lên lớp 1 các em chưa có được nền tảng hay kỹ năng nào trong việc học tập.

4.2. Hoàn cảnh gia đình và ý thức chuyên cần học tập của của học sinh

Việc đi học không chuyên cần cũng là một trong những nguyên nhân cùng trọng ảnh hưởng đến chất lượng học tập. Việc đi học “năm ba bữa nghỉ một bữa” thường xuyên với học sinh Hmông. Nhiều ý kiến của các em học sinh Hmông cho rằng “chúng em không có điều kiện để đi học chăm chỉ vì còn phải giúp bố mẹ làm mùa, nhất là vào mùa thu hoặc mì (sắn), gia đình em rất bận với lại vào mùa nhiều người thuê mình có thể kiếm được nhiều tiền, hết mùa không ai thuê, lúc đó có thời gian đi học chăm hơn” (Kết quả phỏng vấn sâu, nữ, học sinh lớp 6, trường THCS Cư Drăm, thôn Yang Hăn, xã Cư Drăm, huyện Krông Bông). Về phía giáo viên cũng cho rằng “có em nghỉ cả tuần không đến lớp để ở nhà phụ giúp bố mẹ hoặc đi làm thuê, chúng tôi đến tận nhà khuyên vì tưởng em bỏ học, biết vậy nhưng không thể làm gì vì nếu phạt thì em sẵn sàng bỏ học luôn” (PVS, Nữ, giáo viên, Trường THCS Cư Pui). Việc tổ chức các lớp học phụ đạo cũng không hiệu quả với các học sinh Hmông bởi học chính thức các em còn không thể đi học đầy đủ và các em còn phải lo gánh nặng kinh tế gia đình. Mặc dù không có số liệu nào thống kê của địa phương về tình hình trẻ em lao động sớm nhưng quá trình quan sát tại địa bàn đã cho chúng tôi thấy rõ tình trạng này. Hình ảnh những đứa trẻ lớp 3 đi cạo sắn thuê cho người dân trong vùng khá phổ biến. Các em ở đây cho biết, mỗi ngày làm việc không kể bao nhiêu thời gian, các chủ sắn khoán thẳng mỗi bao (50kg) cạo xong thì được trả 10.000 đồng. Trung bình mỗi buổi sáng làm việc cật lực thì cũng thu nhập được 30.000 đồng, riêng ngày thứ 7 và chủ nhật nghỉ học thì có em thu nhập được từ 60.000-100.000 đồng. Những đứa trẻ trên 10

tuổi đã có thể đi làm thuê để kiếm thu nhập phụ giúp gia đình. Qua tìm hiểu, nguyên nhân dẫn đến trẻ em phải lao động sớm, lao động nặng nhọc chủ yếu là do kinh tế nhiều gia đình nghèo khó, thu nhập thấp. Không thể phủ nhận lao động trẻ em góp phần tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống gia đình, song, những hệ lụy từ hoạt động này đã và đang đặt ra nguy cơ cho sự phát triển của các em. 10 tuổi đã trở thành một lao động khiến các em không còn thời gian học tập, vui chơi, giải trí, nguy cơ bỏ học cao, chậm phát triển trí tuệ, thiếu tự tin, khó hòa nhập xã hội...

Hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế gia đình quyết định rất lớn đến việc tiếp tục học của mỗi học sinh. Với người Hmông, độ tuổi từ cấp 2, cấp 3 đã là lao động chính của gia đình, bên cạnh việc học các em còn phải phụ giúp bố mẹ kiếm thêm thu nhập. Mặc dù được nhà nước hỗ trợ khá nhiều song nhiều gia đình không thể mua phương tiện cho con đi học, không có tiền đóng xe buýt để cho con đi lại, "...con nó lớn, không có quần áo dùng hoang để mặc nó không chịu đi học đâu, nó thà ở nhà còn hơn" (PVS, nữ, 41 tuổi, thôn Ea Lang); bên cạnh đó, cũng có nhiều bậc phụ huynh người Hmông chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của việc học tập đối với con cái, nhiều người khi được hỏi đều cho rằng, chỉ cần học để biết chữ là được, không cần học nhiều, ở nhà học cách làm rẫy để kiếm cái ăn,... là những câu trả lời khá phổ biến, trong khi đó, con cái ở lứa tuổi học sinh (Tiểu học, THCS) lại càng chưa ý thức tầm quan trọng của việc học tập đối với tương lai của chúng.

Bên cạnh những lý do trên, nguyên nhân còn thuộc về tâm lý của một số em học sinh thiếu tự tin, ngại giao tiếp; học lực kém, không tiếp thu được bài nên lười học,... tâm lý chán nản dẫn đến bỏ học.

Hoàn cảnh gia đình ảnh hưởng lớn đến nhận thức của người Hmông về giáo dục. Nhận định này được rút ra từ việc phỏng vấn sâu 15 trường hợp là các bậc phụ huynh ở huyện Krông Bông. Đa số họ cho rằng, con cái họ đã hơn thế hệ của họ là được đến trường để học chữ, do vậy, biết chữ đủ để dùng như để có thể đọc trong sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy tờ vay ngân hàng hay các biển hiệu ở cửa hàng,... là đủ và chỉ những người làm cô giáo, làm cán bộ xã thì mới phải học nhiều. Bởi tư tưởng họ cho rằng, con cái họ cũng sẽ không thoát kiếp làm rẫy, trồng lúa như bố, mẹ chúng và do vậy, cũng không cần phải học nhiều. Chỉ có 3/15 trường hợp cho thấy việc học tập là quan trọng những do gia đình nghèo, không lo được cho con ăn học nên phải bỏ học giữa chừng. Ý kiến hiếm hoi của một học sinh "Thanh niên trong làng chỉ 16 - 17 tuổi là ở nhà lấy vợ, sinh con và làm nương rẫy. Nhiều người cũng bảo em đi học làm chi cho tốn tiền bạc, công sức. Khi bố em còn sống cũng khuyên em ở nhà lấy vợ, sinh con và làm nương rẫy kiếm tiền, không nên đi học. Em rất thích đi học nên đã thuyết phục bố rất nhiều và ông đã đồng ý cho em đi học. Em nghĩ, mình phải học để thay đổi suy nghĩ đó, học để không bị tụt hậu, để biết nhiều thứ hơn bên ngoài cái làng của mình" (PVS, Nam, học sinh, 18 tuổi, thôn Yang Hăn). Tuy nhiên, suy nghĩ như em học sinh này không nhiều lắm, nhiều em đi học cũng chỉ để biết chữ, vì vui bạn bè, vì vậy, tình trạng sau lớp 9, lớp 10 nghỉ học ở nhà lập gia đình rất phổ biến ở người Hmông.

4.3. Phong tục, tập quán và sự quan tâm của chính quyền địa phương

Từ góc độ văn hóa, vấn nạn kết hôn sớm hay tảo hôn vẫn còn ăn sâu vào trong tư tưởng của họ, nhiều em đặc biệt là em gái kết hôn khi mới 15 tuổi

(độ tuổi học sinh), như trên đã nhận định, lý do bỏ học để lấy chồng cũng khá nhiều ở các học sinh nữ người Hmông. Nạn tảo hôn đã ăn sâu vào trong nhận thức của người Hmông đến nay vẫn chưa thể thay đổi, hiện nay nhiều phụ nữ ngoài 20 tuổi đã có 3 - 4 người con khá phổ biến. Tình trạng này đặc biệt nhiều ở những xã nghèo, cư trú rất xa trung tâm và chủ yếu là nội hôn tộc người như xã Cư San (huyện M'Drắk), xã Cư Pui (huyện Krông Bông), xã Ea Kiết (huyện Cư M'gar),... Kết hôn sớm làm mất đi cơ hội về học tập, việc làm tốt, cơ hội cải thiện điều kiện sống và chăm sóc sức khỏe của người trẻ tuổi, bà mẹ và trẻ em, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực và là một trong những lực cản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của cả dân tộc. Người Hmông thích sinh đông con do tư tưởng "đông con hơn đông của", trọng nam khinh nữ vẫn tồn tại. Nếu tính trung bình mỗi gia đình Hmông thường có khoảng 5 người con, nhiều gia đình sinh đến 10 đứa con. Chính vì vậy, cuộc sống khó khăn, thiếu kiến thức nuôi dạy con cái dẫn đến tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng, học hành dang dở. Đông con, số người phụ thuộc tăng lên trong các hộ gia đình, đất sản xuất ngày càng khan hiếm, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thấp,... dẫn đến tình trạng nghèo luôn chiếm tỷ lệ cao ở người Hmông. Đặc biệt, theo tiêu chí nghèo đa chiều hiện nay, không chỉ dựa trên thu nhập mà còn dựa trên mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thì người Hmông hầu hết đều rơi vào hộ nghèo và cận nghèo. Tất cả 5 chỉ số là: nhà ở, nước sạch, giáo dục, y tế và tiếp cận thông tin người Hmông xếp vào nhóm thấp nhất tại địa phương.

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại tình trạng du canh du cư từ huyện này sang

huyện khác, từ tỉnh này sang tỉnh khác trong nội vùng Tây Nguyên hoặc quay trở về quê cũ,... đã làm gián đoạn việc học hành của con cái họ khiến nhiều em rơi vào cảnh thất học. Thường thì khi đến vùng đất mới họ phải mất một khoảng thời gian để hòa nhập, ổn định cuộc sống hoặc do chưa nhập khẩu tại địa phương con cái họ không làm được các thủ tục để học hành, không được hưởng những chế độ chính sách của Nhà nước dẫn đến bỏ học.

Nhóm nguyên nhân từ góc độ xã hội như: khoảng cách đến trường xa, điều kiện đi lại khó khăn (từ thôn Ea Rớt đến trường THCS và THPT là 22km, vào mùa mưa không thể đi lại được do đường đất dốc, trơn). Do ảnh hưởng từ phía bạn bè cùng trang lứa, tâm lý đám đông, cứ thế một học sinh nghỉ lại kéo theo nhiều học sinh khác có cùng tư tưởng.

Việc thường xuyên thay đổi các phương pháp giáo dục trong những năm gần đây cũng là một trong những vướng ngại lớn đối với học sinh người Hmông. Việc dạy và học theo chương trình mới chưa thực sự phù hợp với trình độ của các em học sinh và do vậy nó ảnh hưởng đến việc tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, ảnh hưởng đến kết quả học tập của các em.

Chính quyền địa phương và các đoàn thể, tổ chức xã hội chưa được phát huy đúng mức vai trò, cụ thể chưa tuyên truyền, phổ biến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về giáo dục đối với họ, nhiều người khi được hỏi đều không biết gì về các chính sách hỗ trợ sách, vở, miễn, giảm học phí cho hộ nghèo hay các chế độ dân tộc nội trú, chế độ cử tuyển,... nên không tiếp cận được với sự trợ giúp này đến từ Nhà nước.

5. Kết luận

Sau gần 30 năm di cư đến Đắk Lắk, hiện người Hmông là một trong những dân tộc thiểu số có số dân đông, chỉ sau

một số dân tộc như Ê Đê, Mông, Tày, Nùng. Dưới tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, đời sống kinh tế, xã hội của họ đang từng bước ổn định. Tuy nhiên, việc lựa chọn cư trú tập trung ở vùng sâu, vùng xa, vùng quy hoạch,... gây khó khăn cho công tác quản lý cho chính quyền địa phương thì đâu đó vẫn còn một số vấn đề bất cập và một trong số đó là tình trạng giáo dục phổ thông của họ.

Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy, hệ thống giáo dục Mầm non đến Tiểu học đã xây dựng các điểm trường ở từng thôn, bậc THCS đóng tại trung tâm tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của các em. Bậc THPT thường học theo cụm với một số xã lân cận. Cơ sở trường, lớp, trang thiết bị cũng đã đáp ứng được nhu cầu tối thiểu và do vậy, hầu hết các em học sinh trong độ tuổi đều được đến trường.

Tuy nhiên, tình hình giáo dục ở người Hmông vẫn tồn tại nhiều bất cập và những rào cản tập trung ở một số vấn đề cụ thể sau: 1, Về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên: tình trạng thiếu thốn phòng học, phòng học tạm bợ, tranh tre, nứa lá vẫn còn tồn tại ở các điểm trường vùng sâu, vùng xa. Sự thiếu thốn giáo viên Hmông là một bất cập đối với việc giảng dạy chữ ở những cấp đầu tiên như Mầm non, lớp 1; 2, Hoàn cảnh kinh tế khó khăn của các gia đình tác động đến ý thức chuyên cần của các em học sinh khiến tình trạng bỏ học vẫn còn khá phổ biến; 3, sự tác động của phong tục tập quán như nạn tảo hôn, du canh du cư hay thích đông con,... ảnh hưởng đến việc học tập của các em. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm đúng mức, chưa làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục đến người Hmông. Hệ quả của tình trạng này là hiện tượng bỏ học kết hôn, ở nhà

phụ giúp bố mẹ kiếm tiền, trông em,... vẫn còn phổ biến.

Giáo dục phổ thông là cơ sở, là nền tảng cho công tác đào tạo nguồn nhân lực. Với những bất cập về giáo dục như đã đề cập thì khó để có thể tạo ra nguồn lực chất lượng cao ở người Hmông bởi tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông chiếm tỷ lệ rất thấp. Kết quả phỏng vấn sâu tại địa bàn cho thấy, hầu hết các em sau khi học xong THPT đều ở nhà chứ không đăng ký thi đại học toàn xã Cư Pui có 3 em sinh viên người Hmông đang theo học tại trường Trung cấp, Cao đẳng trong tỉnh. Vì vậy, nguồn nhân lực trí thức của người Hmông rất khan hiếm. Việc đào tạo nguồn cán bộ, giáo viên là người Hmông gặp khó khăn rất lớn bởi sự thụ động của họ trong việc nâng cao trình độ dân trí cho bản thân. Chất lượng nguồn nhân lực thấp là rào cản rất lớn đối với người Hmông trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay. Mặc dù, nguồn lao động đông nhưng hầu hết chưa qua đào tạo, vì vậy rất khó khăn với họ trong công tác chuyển đổi nghề nghiệp, trong tìm kiếm việc làm mới, đặc biệt các công việc cần trình độ kỹ thuật tại các thành phố. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho dòng di cư nông thôn - thành thị của người Hmông ở Đắk Lắk rất ít. Chính nhận thức này của người Hmông đã cản trở nhiều đến quá trình xã hội hóa giáo dục, phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực ở vùng người Hmông.

Bên cạnh nguồn nhân lực chất lượng thấp, những vấn nạn: tảo hôn, đông con, trẻ em lao động sớm, nghèo đói đã đề cập tới ở trên đều có mối liên hệ biện chứng với giáo dục. Vòng luẩn quẩn của trình độ học vấn thấp dẫn đến nhận thức thấp và hệ lụy là một loạt các vấn đề xã hội đó. Những vấn đề xã hội này lại quay trở lại tác động vào giáo dục tức là làm hạn chế

khả năng tiếp cận với giáo dục, con cái thất học do nghèo phải tham gia vào lao động kiếm tiền - nhận thức thấp, đồng con,... không đủ điều kiện để đầu tư cho giáo dục. Trình độ học vấn thấp cũng gây khó khăn rất lớn cho công tác xóa đói giảm nghèo. Họ bị hạn chế rất nhiều trong việc tiếp cận các chính sách như tín dụng, hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn khuyến nông - lâm - ngư,..., hạn chế khả năng hình thành và phát triển vốn xã hội. Chính vì vậy, tình trạng nghèo ở người Hmông ngày càng trở nên gia tăng theo tiêu chí mới "nghèo đa chiều".

Vì vậy, việc cần thiết để thay đổi nhận thức là cần đưa ra cách chính sách đặc thù, phù hợp với họ nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội, thoát nghèo, tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản. Bên cạnh đó, gia tăng hơn nữa vai trò của truyền thông, đẩy mạnh các chương trình xã hội hóa giáo dục để người Hmông có thể ý thức được rằng giáo dục không phải là vấn đề của Nhà nước, của chính quyền mà là của chính họ và vì lợi ích của chính họ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển bền vững các cộng đồng dân tộc ở Đắk Lắk trong bối cảnh hội nhập

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Bá Thủy (2003), *Di dân từ do của các dân tộc Tày, Nùng, Hmông, Dao từ Cao Bằng, Lạng Sơn vào Đắk Lắk giai đoạn 1986 - 2000*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
2. Trường Tiểu học Cư Pui II (2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm học 2013 - 2014*.
3. UBND tỉnh Đắk Lắk (2012), *Báo cáo Đánh giá tình hình di cư và thực hiện các chủ trương, chính sách ổn định kinh tế - xã hội đối với đồng bào Hmông*, Báo cáo số

1170/BC-UBND ngày 17/8/2012.

4. UBND tỉnh Đắk Lắk (2013), *Biểu tổng hợp dân tộc Hmông đang sinh sống trên địa bàn tỉnh*.

5. UBND tỉnh Đắk Lắk, Sở Giáo dục và đào tạo (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện chính sách giáo dục ngôn ngữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, Báo cáo số 40/BC-SGDĐT-GDĐT ngày 10/2/2015.

6. UBND xã Cư Pui, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và phương hướng nhiệm vụ năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014*.

7. UBND xã Cư Drăm, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và phương hướng nhiệm vụ năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014*.

8. Viện Dân tộc học, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Bắc), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Trang điện tử Điểm thông tin khoa học công nghệ xã Cư Pui, huyện Krông Bông, <http://thongtinkhendaklak.vn/cupui/Trangch%E1%BB%A7/T%E1%BB%95ngquan/H%E1%BA%A1t%E1%BA%A7ngx%C3%A3h%E1%BB%99i/tabid/1850/language/vi-VN/Default.aspx>. Truy cập ngày 25/9/2016.

10. Lê Thị Hồng Gái, Tài liệu, tư liệu khảo sát thực địa đề tài cấp cơ sở năm 2015 "Thực trạng xã hội của người Hmông ở xã Cư Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk", và đề tài cấp cơ sở năm 2016 "Vốn xã hội trong sản xuất nông nghiệp của người Hmông ở xã Cư Drăm, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk", Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên.